

Bản án số 01/2025/HNGĐ -ST
Ngày 17/01/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Kiên.

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Chung.

Ông Nguyễn Văn Chấn

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai - Kiểm sát viên

Ngày 17/01/2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 345/2024/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2024, v/v tranh chấp ly hôn ,

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 134/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 30/12/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Huyền T- Sinh năm 1995 (Đề nghị vắng mặt).
Nơi cư trú: Thôn A, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

Bị đơn: Anh Nguyễn Huy T1- Sinh năm 1987 (Đề nghị vắng mặt).
Nơi cư trú: Thôn D, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn là chị Phạm Thị Huyền T trình bày: Chị T và anh Nguyễn Huy T1 tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện L năm 2014 .Sau đó vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian đến khoảng 2017 thì mâu thuẫn do không hợp nhau, vợ chồng hay cãi nhau. Vợ chồng đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành nên ly thân từ khoảng năm 2017 đến nay. Từ khi ly thân vợ chồng không quan tâm đến nhau, bỏ mặc nhau mỗi người sống một nơi. Nay chị T thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn anh T1 .

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Huy T2, sinh ngày 29/11/2014 và Nguyễn Huy P, sinh ngày 08/10/2016 : Không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và các vấn đề khác: Không yêu cầu Tòa án giải quyết;

* Bị đơn là anh Nguyễn Huy T1 tại bản tự khai trình bày: Chị T và anh T1 tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện L năm 2014 .Sau đó vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian đến năm 2017 thì mâu thuẫn do không hợp nhau nên vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Từ khi ly thân vợ chồng không quan tâm đến nhau, bỏ mặc nhau mỗi người sống một nơi. Nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh T1 đồng ý .

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Huy T2, sinh ngày 29/11/2014 và Nguyễn Huy P, sinh ngày 08/10/2016: Không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và các vấn đề khác: Không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát ; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1].Về tố tụng: Chị T và anh T1 đều đề nghị xét xử vắng mặt nên thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Nội dung yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn:

Quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T1 có đủ điều kiện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện L nên là hôn nhân hợp pháp. Do vậy yêu cầu khởi kiện của chị T là có căn cứ cần xem xét giải quyết theo Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Chị T và anh T1 đều trình bày mâu thuẫn vợ chồng do không hợp nhau, vợ chồng ly thân từ năm 2017 đến nay. Từ khi ly thân vợ chồng bỏ mặc nhau mỗi người sống một nơi, không quan tâm chăm sóc đến nhau. Nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh T1 đồng ý. Do vậy Hội đồng xét xử nhận định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu của chị T ly hôn anh T1.

[1.2]. Về con chung: Chị T và anh T1 có 02 con chung là Nguyễn Huy T2, sinh ngày 29/11/2014 và Nguyễn Huy P, sinh ngày 08/10/2016 : Chị T và anh T1 đều không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[1.3].Về tài sản chung các vấn đề khác: Chị T và anh T1 không yêu cầu nên không giải quyết.

[2]. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tại phiên tòa phát biểu quan điểm về việc thực hiện Bộ luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, cũng như việc chấp hành luật pháp của những người tham gia tố tụng, việc tiến hành thu thập chứng cứ và kiểm tra các chứng cứ đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Đề nghị căn cứ các Điều 51, 55 Luật Hôn nhân gia đình; xử :

Quan hệ hôn nhân : Chị T và anh T1 được ly hôn.

Về con chung, tài sản chung và các vấn đề khác: Không giải quyết.

Án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH14, ngày 30/ 12/ 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm,

Căn cứ nội dung trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình; các Điều 147, khoản 1 Điều 228, các Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự; xử :

1.Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Huy T1 được ly hôn.

2.Về con chung, tài sản chung và các vấn đề khác: Không giải quyết.

3..Án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH14, ngày 30/ 12/ 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0008549 ngày 30/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam.

4. Chị T và anh T1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên bản án.

Nơi nhận:

- Đương sự
- TAND T, BG
- VKSNDH. Lục Nam
- THADSH. Lục Nam
- UBND xã Nghĩa Phương
- Lưu

T/ M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Kiên